CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Phân lân Ninh Bình

Ngày 28/06/2024	15,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**14.6%**	**-5.0%**

DT thuần
Q2/24
296
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0| 5.8%
YoY: ▲ 62.0| 26.6%

LN thuần
Q2/24
19.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00| 58.3%
YoY: ▲ 7.40| 63.7%

LN sau thuế
Q2/24
16.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.70| 55.0%
YoY: ▲ 5.60| 53.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
6.9%
YoY: +/-▲ 2.1%

ROE (TTM)
Q2/24
18.0%
YoY: +/-▲ 3.4%

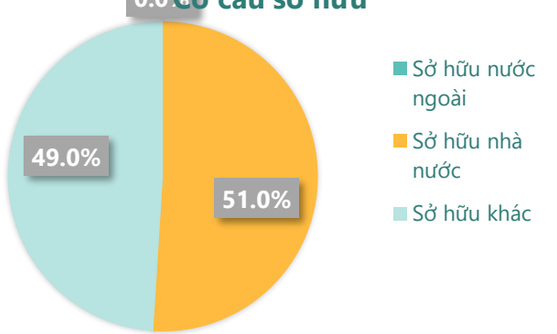
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,649 - 17,146
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	236
Số lượng CPLH (CP)	15,731,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.73)
EPS	2,267
P/E	6.6

DT thuần
6T 2024
576
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 185| 47.4%

LN thuần
6T 2024
31.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.60| 45.0%

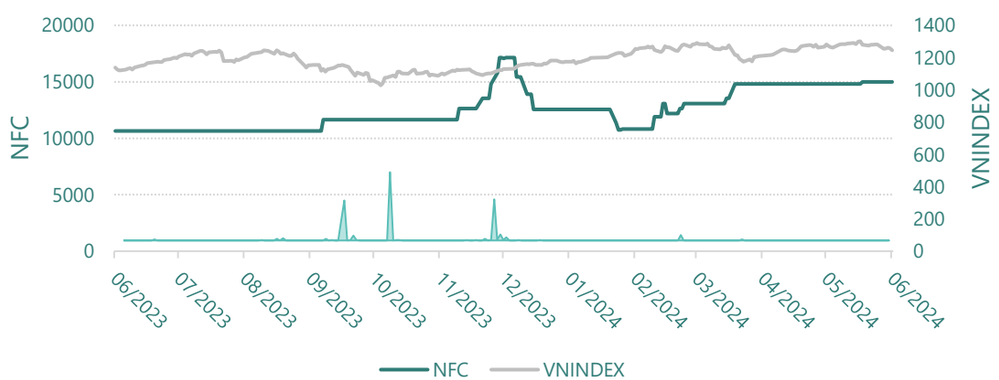
LN sau thuế
6T 2024
26.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.80| 42.1%

Cơ cấu sở hữu

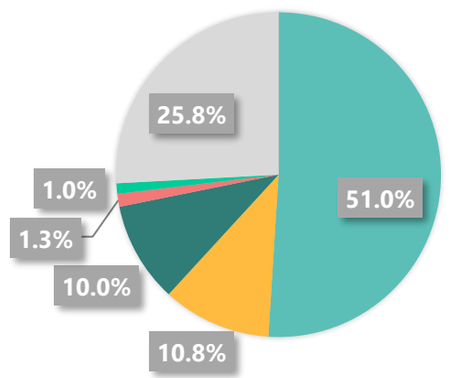


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

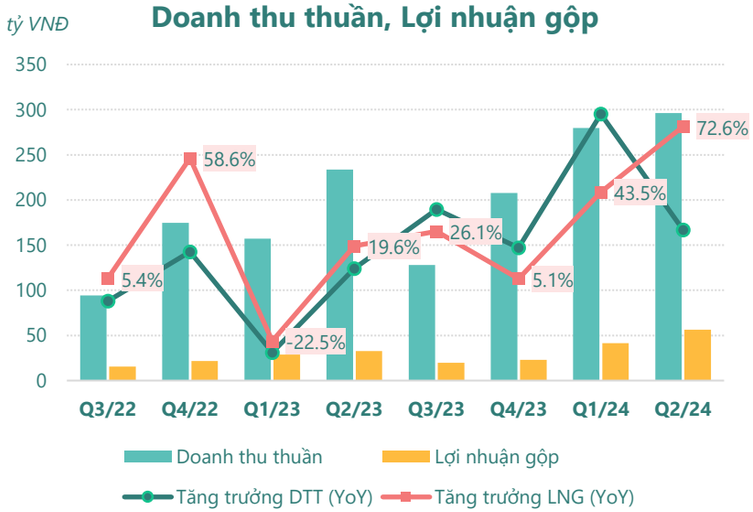


- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Công ty TNHH Hoàng Ngân
- Phạm Mạnh Ninh (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Hồng Sơn (Thành viên HĐQT)
- Hoàng Mỹ Hạnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

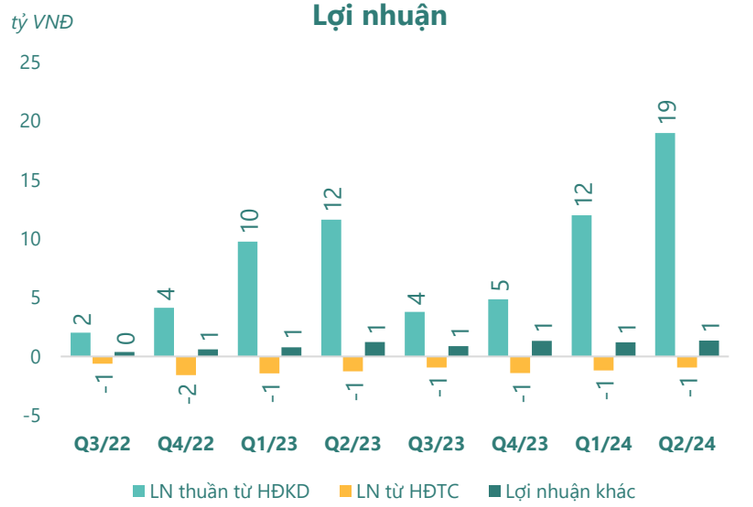
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



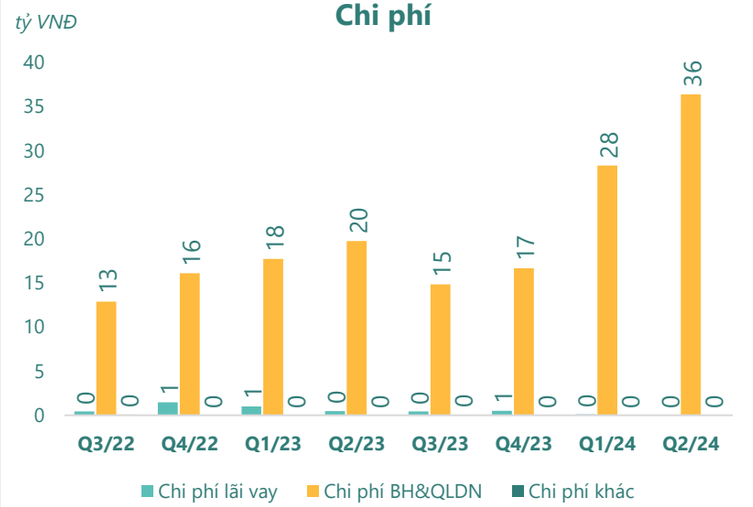
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



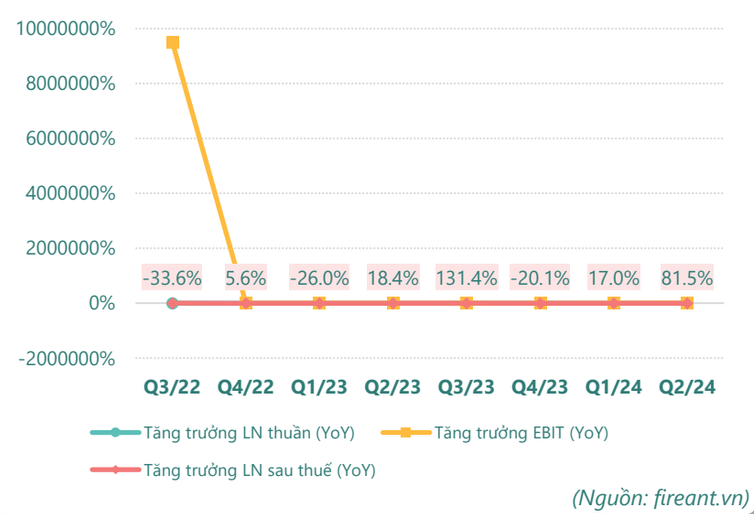
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



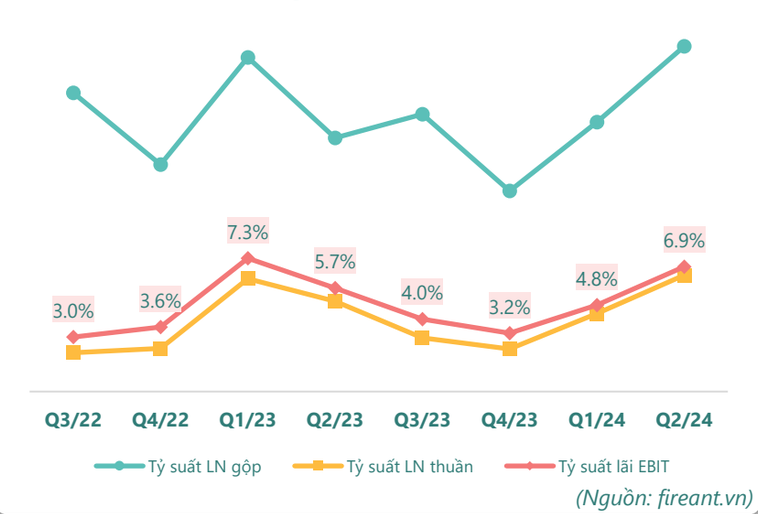
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



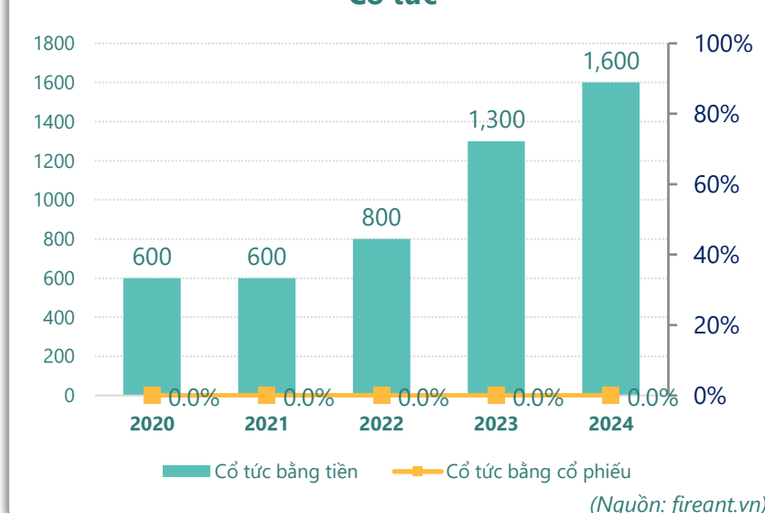
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

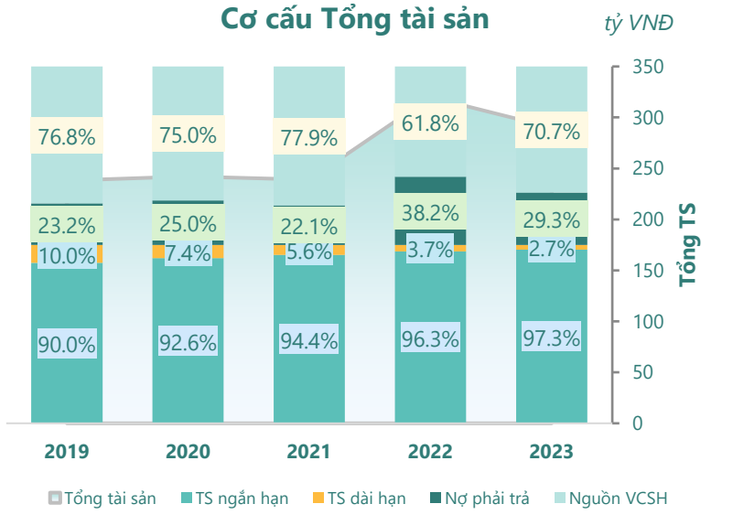
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

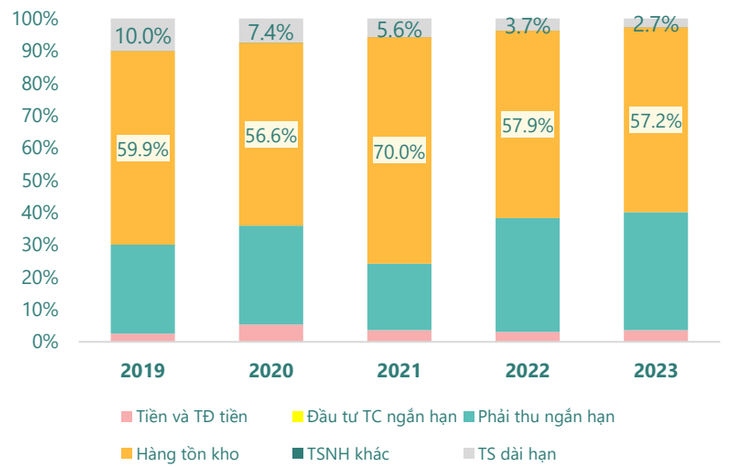
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



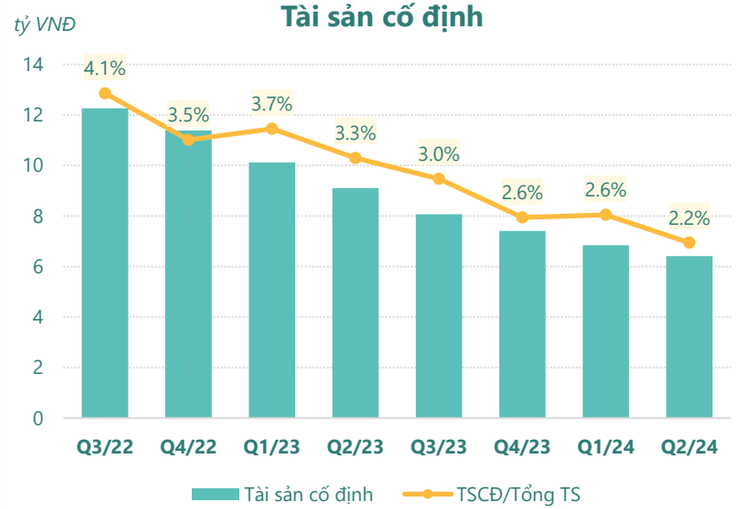
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



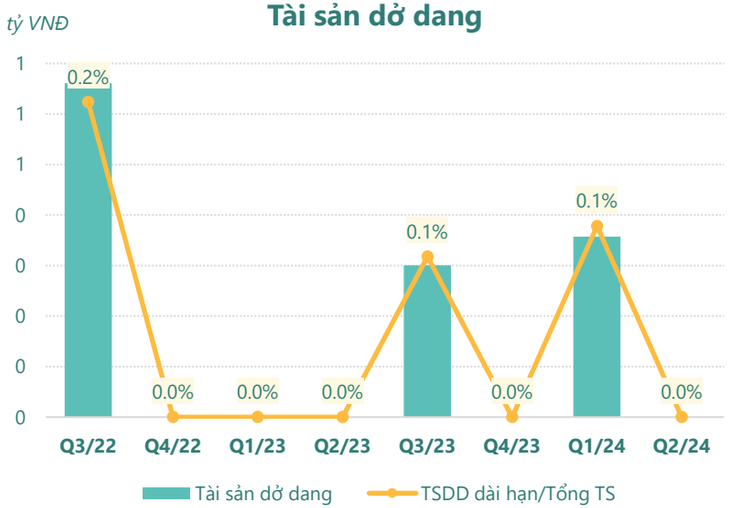
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



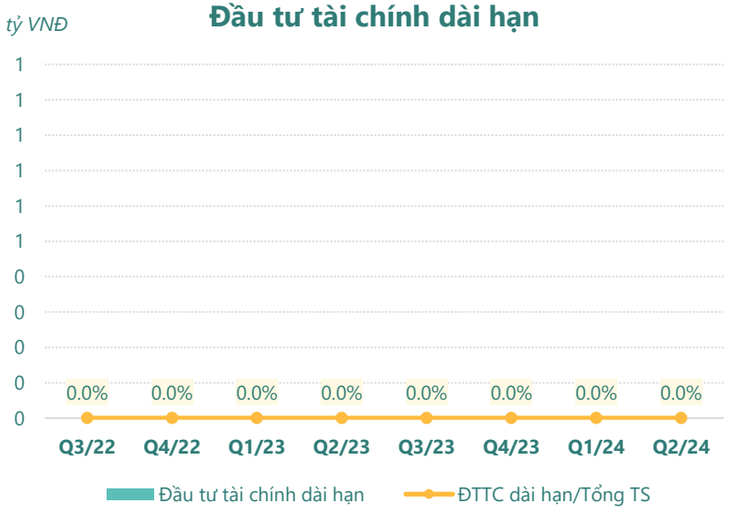
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



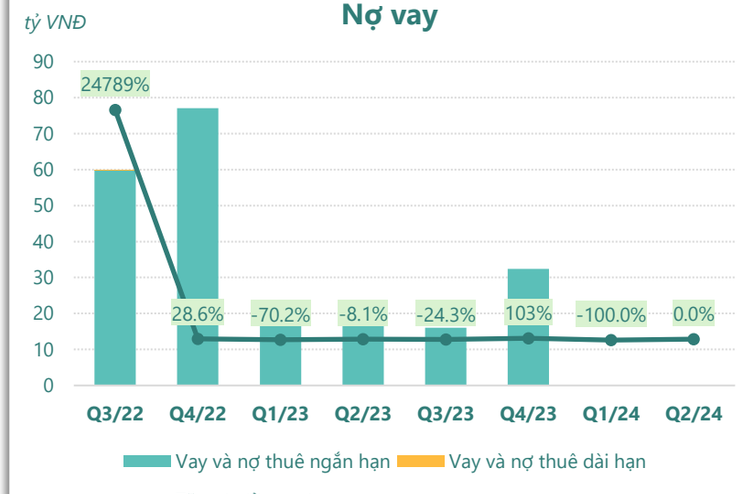
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

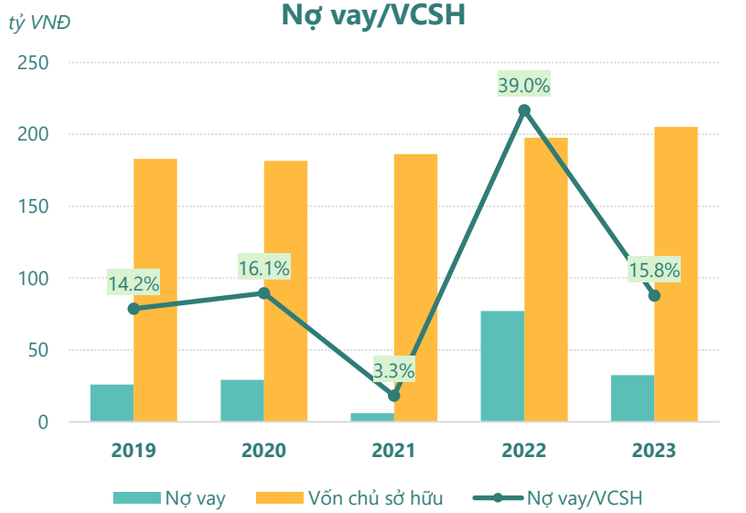
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

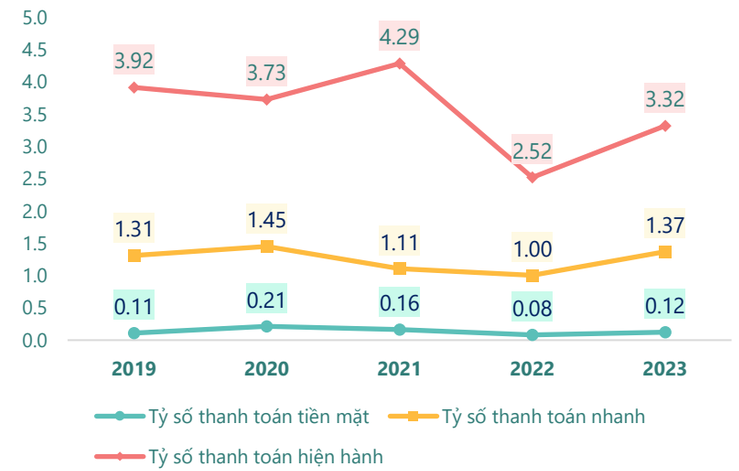
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



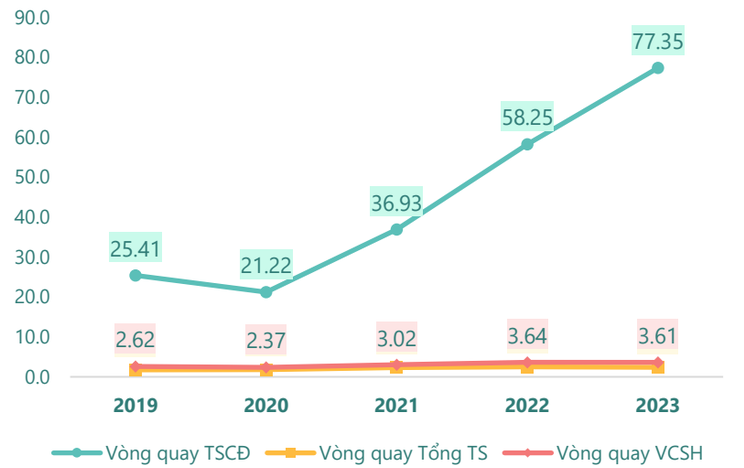
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



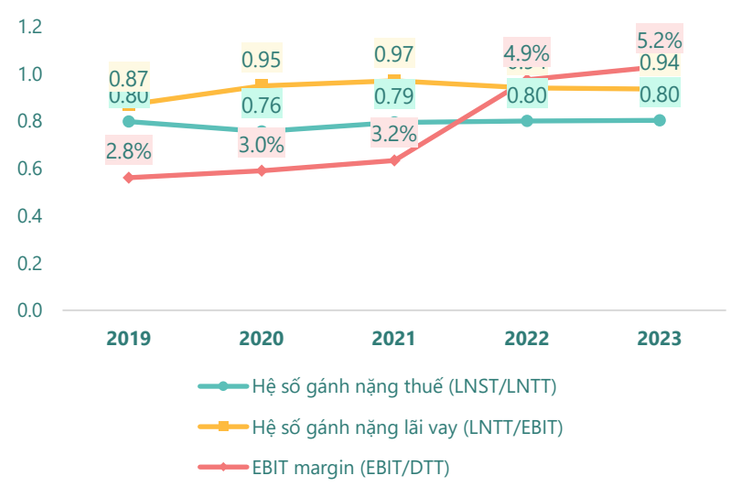
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



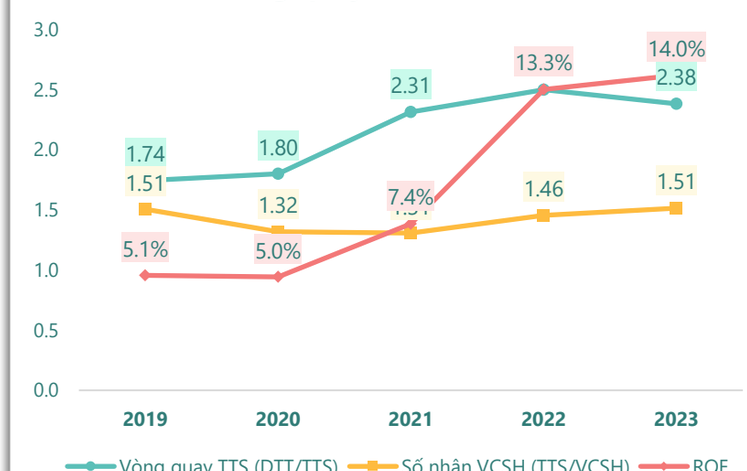
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



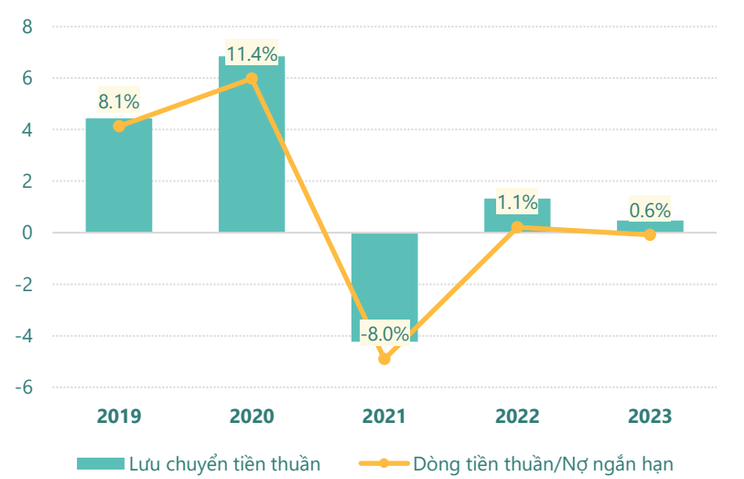
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**296**	**234**	**26.6%**	**576**	**391**	**47.4%**
Giá vốn hàng bán	240	201	19.3%	478	329	45.2%
Lợi nhuận gộp	56.3	32.7	72.3%	97.9	61.6	58.9%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.05	490%	0.41	0.05	693%
Chi phí TC	1.24	1.32	-5.8%	2.54	2.76	-8.1%
Chi phí lãi vay	0	0.47	-100%	0.11	1.47	-92.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	24.5	12.5	95.7%	43.5	22.5	93.5%
Chi phí QLDN	**11.9**	**7.25**	**64.6%**	**21.3**	**15.0**	**41.6%**
LN thuần từ HĐKD	19.0	11.6	63.7%	31.0	21.4	45.0%
Lợi nhuận khác	**1.36**	**1.23**	**10.8%**	**2.57**	**2.01**	**27.5%**
LN trước thuế	20.4	12.9	57.8%	33.6	23.4	43.4%
Lợi nhuận sau thuế	**16.1**	**10.5**	**53.6%**	**26.5**	**18.7**	**42.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.1**	**10.5**	**53.6%**	**26.5**	**18.7**	**42.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.2	27.8	5.46	-14.7	81.5	36.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.05	-0.30	0.15	-0.51	0.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-54.1	-22.3	-5.14	16.4	-32.4	-25.2
Tiền đầu kỳ	9.94	3.09	8.54	8.57	10.4	58.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.85**	**5.46**	**0.02**	**1.85**	**48.5**	**11.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	0.01	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	3.09	8.54	8.57	10.4	58.9	70.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**287**	**290**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	280	282	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	70.5	10.4	577%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	117	106	10.4%
Hàng tồn kho	92.7	166	-44.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.09	3.2%
Tài sản dài hạn	**6.80**	**7.77**	**-12.5%**
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	6.41	7.41	-13.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.38**	**0.37**	**3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.7	85.0	-1.5%
Nợ ngắn hạn	**83.7**	**85.0**	**-1.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	32.4	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	38.5	31.3	22.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**203**	**205**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**203**	**205**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	157	157	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)